

GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN

QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VIỆC XÂY DỰNG XÃ HỘI TỐT ĐẸP Ở VIỆT NAM

Phạm Văn Đức^(*)

^(*) Giáo sư, tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: ducphilosophy@yahoo.com

Nhận ngày 5 tháng 10 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 10 năm 2021.

Tóm tắt: Bài viết luận giải để chứng minh rằng, trên cơ sở tiếp nhận, kế thừa các giá trị từ truyền thống văn hóa của dân tộc và nhân loại, đặc biệt là lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan niệm sâu sắc về xây dựng xã hội tốt đẹp - chủ nghĩa xã hội, trong đó trọng tâm là giải quyết vấn đề dân sinh, là mang lại ấm no, tự do và hạnh phúc cho nhân dân. Theo tác giả, để hiện thực hóa quan niệm của Hồ Chí Minh về xã hội tốt đẹp, cần: *một là*, hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; *hai là*, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; *ba là*, tăng cường quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và tích cực hội nhập quốc tế; *bốn là*, dân chủ hóa đời sống xã hội, bảo đảm dân chủ trong Đảng là tấm gương thực hiện dân chủ trong xã hội; *năm là*, phát triển toàn diện con người.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, xã hội tốt đẹp, quan niệm của Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, người đã được UNESCO tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Sứ đi đạt được như vậy là vì, trong suốt cuộc đời đi tìm con đường giải phóng cho dân tộc và đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân, Người đã biết tiếp thu những tinh hoa của các nền văn hóa khác nhau ở cả phương Đông lẫn phương Tây.

Sinh thời, trong một lời *Tự bạch*, Hồ Chí Minh đã từng khẳng định rằng, “Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm là sự tu

dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo của Jêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Jêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có ưu điểm chung đó sao? Họ đều mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu hạnh phúc cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, tôi tin rằng họ nhất định sống chung với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi

cố gắng làm một người học trò nhỏ của các vị ấy”¹.

Trên thực tế, Hồ Chí Minh đã tiếp thu một cách có chọn lọc những tư tưởng quý báu, những tinh hoa của các học thuyết khác nhau để “muru cầu hạnh phúc cho loài người”. Người không chỉ tiếp thu những tư tưởng Nho giáo, Cơ Đốc giáo, chủ nghĩa Mác - Lênin, Tôn Trung Sơn, mà còn tiếp thu cả những tư tưởng Phật giáo lẫn hệ tư tưởng tư sản. Hồ Chí Minh đã từng ca ngợi cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ, tiếp cận với tư tưởng về nhà nước của A.Lincôn; cổ vũ tinh thần yêu nước của đạo Cao Đài, Hòa Hảo. Chẳng hạn, đối với Phật giáo, Người cho rằng: “Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ, cứu nạn muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn. Người phải hy sinh tranh đấu, diệt lũ ác ma... Chúng ta làm theo lòng đại từ đại bi của Đức Phật Thích Ca...”².

Hồ Chí Minh không dừng lại ở việc tiếp thu những tư tưởng có giá trị từ các học thuyết khác nhau, mà còn phát triển những tư tưởng đó, áp dụng chúng một cách sáng tạo, phù hợp với điều kiện lịch sử của dân tộc và con người Việt Nam. Do đó, có thể khẳng định rằng, Hồ Chí Minh đã tiếp nhận các giá trị từ truyền thống văn hóa của dân tộc và loài người tiến bộ; đồng thời, phát triển chúng lên một trình độ mới, mang những nét đặc sắc riêng. Điều đó được thể hiện đặc biệt rõ nét khi Người tiếp thu tư tưởng của Khổng Tử, Thiên Chúa giáo, chủ nghĩa Mác cũng như những tư tưởng của Tôn Trung Sơn, v.v..

Hồ Chí Minh nhận thấy giữa Thiên Chúa giáo với Khổng giáo và Phật giáo có một điểm chung là đều nhấn mạnh đến đạo đức, tình yêu thương con người. Đó là những yếu tố cần kế thừa và tiếp thu. Học thuyết của Khổng Tử, theo Hồ Chí Minh, có ưu điểm là *chú trọng tu dưỡng cá nhân*, Thiên Chúa giáo có *lòng nhân ái, tinh thần bác ái cao cả, v.v.* Chúa Giêsu đã kêu gọi con chiên hãy yêu kẻ thù của mình, làm ơn cho kẻ ghét mình và cầu nguyện cho kẻ sĩ phục mình; đồng thời, dạy con người không tham lam, trộm cắp, hãy sống trong sạch. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng: “Chúng ta đều được kích thích bởi một tinh thần. Triết lý đạo Khổng và triết lý phương Tây đều tán dương một nguyên tắc đạo đức: “*Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*”³; “Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái. Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi. Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa”⁴.

Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu những hạt nhân hợp lý từ Khổng giáo, Thiên Chúa giáo và Phật giáo, mà còn chỉ ra những hạn chế của các học thuyết đó. Ngay từ năm 1927, Người đã viết: “Khổng giáo dựa trên 3 sự phục tùng: Quân - thần; phụ - tử; phu - phụ và năm đức chủ yếu: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Khổng Tử đã viết *Kinh Xuân thu* để chỉ trích “những thần dân nổi loạn” và

¹ Xem: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Tam Liên, tháng 6 năm 1949.

² Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.197.

³ Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.4, tr.267

⁴ Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.6, tr.225.

“những đứa con hư hỏng”, nhưng ông không viết gì để lên án những tội ác của “những người cha tai ác” và “những hoàng tử thiên cận” (...). Ông rõ ràng là người phát ngôn bên vực những người bóc lột chống lại những người bị áp bức (...). Nếu Khổng Tử sống ở thời đại chúng ta và nếu ông khăng khăng giữ những quan điểm ấy thì ông sẽ trở thành phần tử phản cách mạng”⁵.

Hồ Chí Minh cũng sử dụng những khái niệm nhân, nghĩa, trí, dũng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của Nho giáo, nhưng với nội dung hoàn toàn mới và được Việt Nam hóa, mang rất nhiều yếu tố dân tộc và tam giáo đồng hành. Những yếu tố này đã được Hồ Chí Minh xây dựng với nội hàm cách mạng và hiện đại trong hệ thống tư tưởng của mình, khác hoàn toàn với nội hàm thuộc hệ tư tưởng Nho giáo.

Điểm khác biệt căn bản giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với một số học thuyết tôn giáo là ở chỗ, Người không chỉ tiếp thu triết lý thương người của mọi tôn giáo, mà còn quan tâm nhiều hơn đến việc phải làm gì và *phải hành động* như thế nào để giải thoát cảnh cực khổ của những người bất hạnh. Hồ Chí Minh luôn *quan tâm sâu sắc hơn* đến việc giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và con người. Nỗi trăn trở lớn nhất, ước nguyện thiêng liêng nhất của Hồ Chí Minh là làm sao cho đất nước hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Sở dĩ Hồ Chí Minh đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin và

luôn đánh giá cao chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn chính là vì Người tìm thấy ở đó *con đường để giải phóng cho dân tộc Việt Nam và con người Việt Nam*.

Người tìm thấy ở chủ nghĩa Mác phương pháp làm việc biện chứng. Phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác, như Hồ Chí Minh khẳng định, là một thế giới quan khoa học, là vũ khí cách mạng mang lại hạnh phúc cho nhân loại. Chính phương pháp đó đã dạy cho Người cách vận dụng những nguyên lý chung vào điều kiện cụ thể, trong một hoàn cảnh cụ thể. Mọi sự giáo điều, máy móc đều xa lạ với phương pháp biện chứng. Người từng chỉ ra rằng, “Mác đã xây dựng học thuyết của mình trên một triết lý nhất định của lịch sử, nhưng lịch sử nào? Lịch sử châu Âu. Mà châu Âu là gì? Đó chưa phải là toàn nhân loại”⁶.

Nhờ có phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác, Hồ Chí Minh đã xử lý một cách khéo léo mối quan hệ giữa cái riêng và cái chung, giữa dân tộc và nhân loại, truyền thống và hiện đại, dân tộc và tộc người, cá nhân và xã hội, lý luận và thực tiễn trong quá trình phát triển. Người nhận thấy sự thống nhất giữa lý luận với thực tiễn là nguyên tắc căn bản của phương pháp biện chứng mácxít. Hồ Chí Minh viết: “Trong khi nhấn mạnh sự quan trọng của lý luận, đã nhiều lần đồng chí Lênin

⁵ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.453-454.

⁶ Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.1, tr.464-465.

nhắc đi nhắc lại rằng lý luận cách mạng không phải là giáo điều, nó là kim chỉ nam cho hành động cách mạng; và lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính chất sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động (...). Phải cụ thể hóa chủ nghĩa Mác - Lênin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi”⁷. Người chỉ rõ: “học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình... Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn”, chứ không phải “học thuộc lòng”, “học để trang sức”⁸.

Cần phải khẳng định rằng, quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội là kết quả trực tiếp từ sự tiếp thu quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội. Nhưng, trong quá trình tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã biết vận dụng một cách sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, một nước có nền văn hóa phương Đông lâu đời. Điều đó được thể hiện rõ trong nhiều luận điểm của Người khi nói về việc áp dụng chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm nước ngoài vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

Hồ Chí Minh đã nhiều lần phê phán hai khuynh hướng sai lầm trong việc áp dụng một cách máy móc chủ nghĩa Mác - Lênin, đó là *khuyh hướng giáo điều* coi thường thực tiễn và *khuyh hướng đề cao quá mức kinh nghiệm* dẫn đến coi thường

lý luận. Người viết: “Có đồng chí không chịu nghiên cứu kinh nghiệm thực tế của cách mạng Việt Nam. Họ không hiểu rằng chủ nghĩa Mác - Lênin là kim chỉ nam cho hành động, chứ không phải là kinh thánh. Vì vậy, họ chỉ học thuộc ít câu của C.Mác, V.I.Lênin để lòe người ta.

Lại có đồng chí khác chỉ bo bo giữ lấy những kinh nghiệm le lè. Họ không hiểu rằng *lý luận* rất quan trọng cho sự thực hành cách mạng (...).

Hai khuynh hướng ấy đều sai lầm. Sai lầm nhất là khuynh hướng *giáo điều*, vì nó mượn những lời của Mác, Lênin, để làm cho người ta lầm lẫn”⁹.

Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở các thế hệ đi sau phải thường xuyên bổ sung và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác cho phù hợp với đặc điểm và điều kiện lịch sử của từng dân tộc, nhất là của các dân tộc phương Đông. Người viết: “Dù sao cũng không thể cấm bổ sung cơ sở lịch sử của chủ nghĩa Mác bằng cách thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được” và cần “xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông”¹⁰.

Vi vậy, Hồ Chí Minh cho rằng, để lãnh đạo cách mạng thành công, muốn đỡ mò mẫm, muốn đỡ phạm sai lầm, thì chúng ta phải học tập kinh nghiệm của các nước

⁷ Hồ Chí Minh, *Sđd.*, t.8, tr.496.

⁸ Hồ Chí Minh, *Sđd.*, t.9, tr.292.

⁹ Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, t.6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.247.

¹⁰ Hồ Chí Minh, *Sđd.*, t.1, tr.465.

anh em và áp dụng những kinh nghiệm đó một cách sáng tạo¹¹. Đồng thời, chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta. Như thế là phải học tập lý luận, phải nâng cao trình độ lý luận chung của Đảng, trước hết là của cán bộ cốt cán của Đảng¹².

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh tính phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng đòi hỏi phải có sự sáng tạo khi vận dụng chân lý phổ biến đó. Chính sự sáng tạo sẽ giúp cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công, tránh được sự thất bại do bệnh giáo điều, máy móc. Người viết: “Hiện nay đứng về mặt xây dựng chủ nghĩa xã hội, tuy chúng ta đã có kinh nghiệm dồi dào của các nước anh em, nhưng chúng ta cũng không thể áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách máy móc, bởi vì nước ta có những đặc điểm riêng của ta”¹³. Kinh nghiệm của Liên Xô trong xây dựng chủ nghĩa xã hội là một vốn quý, song Hồ Chí Minh lưu ý rằng, chúng ta có thể đi con đường khác, không giống với Liên Xô để đi lên chủ nghĩa xã hội. Người viết: “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý

khác (...), ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”¹⁴.

Cùng với chủ nghĩa Mác, những tư tưởng của Tôn Trung Sơn cũng được Hồ Chí Minh đánh giá cao và được vận dụng một cách sáng tạo vào điều kiện của Việt Nam. Bởi vì, như trên chúng tôi đã trình bày, theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Tôn Trung Sơn có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện của Việt Nam.

Tôn Trung Sơn là một nhà cách mạng được nhiều người ở châu Á biết đến, đặc biệt là ở Nhật Bản, Trung Quốc và Việt Nam. Ông đã đề ra học thuyết Tam dân (dân sinh, dân chủ, dân quyền) nổi tiếng.

Xét về mặt thuật ngữ, Tôn Trung Sơn cho rằng, theo nghĩa rộng, chữ *dân sinh* bao gồm *đời sống của nhân dân, sự sinh tồn của xã hội, sinh kế của quốc dân, sinh mệnh của quần chúng*. Với ý nghĩa đó, dân sinh được Tôn Trung Sơn xem là vấn đề trung tâm của chủ nghĩa Tam dân. Bởi vì, thực chất hay mục đích của việc giải quyết vấn đề dân quyền, dân chủ là để giải quyết vấn đề dân sinh. Có thể nói, trong quan hệ với vấn đề dân sinh, vấn đề dân chủ và dân quyền trở thành phương tiện để giải quyết vấn đề đời sống của nhân dân, sự sinh tồn của xã hội, sinh kế của quốc dân, sinh mệnh của quần chúng. Hơn nữa, ông còn khẳng định vấn đề dân sinh

¹¹ Xem: Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.5, tr.494.

¹² Xem: Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.8, tr.494-495.

¹³ Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.8, tr.449.

¹⁴ Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.8, tr.227.

là quy luật của sự vận động và phát triển xã hội, là động lực của sự tiến hóa xã hội. Tôn Trung Sơn viết: “Nhân loại mưu cầu sinh tồn mới là định luật của tiến hóa xã hội, mới là trọng tâm của lịch sử. Nhân loại mưu cầu sinh tồn là vấn đề gì? Đó là vấn đề dân sinh. Do vậy, có thể nói, vấn đề dân sinh mới là nguyên động lực của tiến hóa xã hội”¹⁵.

Tôn Trung Sơn còn coi chủ nghĩa dân sinh là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Theo ông, vấn đề dân sinh là “vấn đề xã hội, nên chủ nghĩa dân sinh là chủ nghĩa xã hội, còn gọi là chủ nghĩa cộng sản, tức là chủ nghĩa đại đồng”¹⁶. Bởi vì, xét đến cùng, mục đích của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là giải quyết vấn đề dân sinh. Đây là điểm mà Tôn Trung Sơn hoàn toàn đồng ý với chủ nghĩa Mác. Các ông đều coi chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là giai đoạn phát triển cao hơn chủ nghĩa tư bản, là giai đoạn phát triển tất yếu của lịch sử nhân loại. Mục đích của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là vì con người và giải quyết vấn đề dân sinh. Tôn Trung Sơn cho rằng, chủ nghĩa cộng sản là lý tưởng của chủ nghĩa dân sinh, còn chủ nghĩa dân sinh là thực hành chủ nghĩa cộng sản. Theo đó, sự khác nhau giữa C.Mác và Tôn Trung Sơn chỉ là phương pháp.

Điểm khác nhau giữa C.Mác và Tôn Trung Sơn là ở chỗ, nếu C.Mác coi đấu tranh giai cấp là động lực của sự phát triển xã hội, thì Tôn Trung Sơn coi vấn đề dân

sinh mới chính là động lực gốc của lịch sử. Do đó, ông chủ trương phải đưa vấn đề dân sinh thành trung tâm của chính trị, kinh tế, xã hội của nhân loại và phải lấy dân sinh làm trung tâm của lịch sử xã hội¹⁷.

Tôn Trung Sơn cũng không đồng ý với việc dùng chuyên chính công nông, tức là “dùng phương pháp cách mạng để giải quyết vấn đề kinh tế”. Ông cho rằng, phương pháp cách mạng chỉ có thể giải quyết được vấn đề chính trị, chứ không thể giải quyết được vấn đề kinh tế và nếu dùng biện pháp cách mạng để giải quyết vấn đề kinh tế chắc chắn sẽ không thể có được những thành công, nếu không muốn nói là thất bại.

Đối với Trung Quốc, Tôn Trung Sơn cho rằng, để thực hiện chủ nghĩa dân sinh phải căn cứ vào hoàn cảnh và điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước. Theo ông, không thể chỉ dựa vào lý luận để định ra phương pháp, mà “phải lấy sự thực làm tài liệu mới có thể định ra phương pháp” đúng đắn. Với phương châm như vậy, Tôn Trung Sơn chủ trương thực hiện chủ nghĩa dân sinh bằng 2 biện pháp: *Bình quân địa quyền* và *tiết chế tư bản*. Điều đó có nghĩa là, trong lĩnh vực nông nghiệp, phải thực hiện chủ trương người cày có ruộng và hơn nữa, tập trung phát triển sản xuất; còn trong công nghiệp thì chủ trương tiết chế

¹⁵ Tôn Trung Sơn (1995), *Chủ nghĩa Tam dân*, Viện Thông tin Khoa học xã hội xuất bản, Hà Nội, tr.336.

¹⁶ Tôn Trung Sơn, *Sđđ.*, tr.313.

¹⁷ Xem: Tôn Trung Sơn, *Sđđ.*, tr.344.

tư bản và phát triển chủ nghĩa tư bản nhà nước.

Nói tóm lại, nếu chủ nghĩa cộng sản là tương lai của chủ nghĩa Tam dân, thì mục tiêu trước mắt là đáp ứng đầy đủ bốn nhu cầu cơ bản của nhân dân: *Ăn, ở, mặc và đi lại*. Ông viết: “Ý tưởng của chủ nghĩa Tam dân là “dân hữu, dân trị và dân hưởng”¹⁸.

Những tư tưởng của Tôn Trung Sơn về chủ nghĩa Tam dân, đặc biệt là tư tưởng dân sinh đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao. Hơn nữa, Người còn áp dụng một cách sáng tạo những tư tưởng dân sinh của Tôn Trung Sơn vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Điều này được thể hiện trước hết và tập trung trong quan niệm của Người về chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh đã có cách diễn đạt riêng về bản chất của chủ nghĩa xã hội. Cách diễn đạt đó thấm đượm đặc điểm của các dân tộc ở phương Đông, mà trọng tâm tập trung *chú ý đến vấn đề dân sinh*, tức là chú ý đến đời sống của nhân dân, sự sinh tồn của xã hội, sinh kế của quốc dân, sinh mệnh của quần chúng như Tôn Trung Sơn đã từng nhấn mạnh. Nếu Tôn Trung Sơn quan niệm vấn đề dân sinh là “vấn đề xã hội, nên chủ nghĩa dân sinh là chủ nghĩa xã hội” thì Hồ Chí Minh quan niệm mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là giải quyết vấn đề dân sinh, là mang lại ấm no, tự do và hạnh phúc cho nhân dân.

Hồ Chí Minh quan niệm dân là gốc của cách mạng. Người thường xuyên nhắc nhở cán bộ: “Phải nhớ rằng dân là chủ. Dân

như nước, mình như cá. Lực lượng bao nhiêu là nhờ ở dân hết”¹⁹. “Chính phủ là công bộc của dân vậy. Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thầy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”²⁰. Quyền mà nhân dân Việt Nam đã giành được là “quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Mong muốn duy nhất của Người là “làm sao đem lại cho dân chúng được tự do độc lập hoàn toàn và để cho tất cả mọi phần tử quốc dân được hưởng tự do độc lập ấy như muôn vật được hưởng ánh sáng mặt trời”²¹.

Hồ Chí Minh khẳng định rằng, “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, trẻ em chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi”²².

Tuy nhiên, trong các quyền mà dân được hưởng, Hồ Chí Minh đặc biệt chú ý đến quyền sống, đến việc nâng cao đời sống của nhân dân. Điều đó được thể hiện

¹⁸ Tôn Trung Sơn, *Sđd.*, tr.369.

¹⁹ Hồ Chí Minh, *Sđd.*, t.4, tr.101.

²⁰ Hồ Chí Minh, *Sđd.*, t.4, tr.22.

²¹ Hồ Chí Minh, *Sđd.*, t.4, tr.45.

²² Hồ Chí Minh, *Sđd.*, t.4, tr.161-162.

trong nhiều bài viết và phát biểu của Người. Khi trả lời câu hỏi “chủ nghĩa xã hội là gì?”, Hồ Chí Minh chú ý trước hết đến phương diện đời sống của nhân dân. Người viết: “Chủ nghĩa xã hội là làm cho mọi người dân sung sướng, ấm no”²³; “Mục đích của chủ nghĩa xã hội là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân”²⁴; bởi vì, “dân lấy ăn làm gốc, có thực mới vực được đạo”²⁵, “Tục ngữ có câu: “Dân dĩ thực vi thiên”, nghĩa là dân lấy ăn làm trời, nếu không có ăn là không có trời...”

Vì vậy, chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”²⁶; “Đảng ta đấu tranh để làm gì? Là muốn cho tất cả mọi người được ăn no mặc ấm, được tự do. Mỗi một đảng viên đấu tranh để làm gì? Cũng để mọi người được ăn no mặc ấm, được tự do. Chủ nghĩa xã hội là cái gì? Là mọi người được ăn no mặc ấm, sung sướng, tự do”²⁷, v.v..

Như vậy, nói đến chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh trước hết nói đến vấn đề dân sinh, tức là phải giải quyết được những nhu cầu thiết yếu của người dân. Nếu không giải quyết được những nhu cầu đó thì việc xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ không có ý nghĩa và người dân cũng không thiết tha gì với chủ nghĩa xã hội. Đúng như Hồ Chí Minh đã nhận xét: “Nếu bụng đói thì các cô các chú nói gì hay mấy

cũng không ai nghe”²⁸. Chính vì vậy, Người nhiều lần nhắc đi nhắc lại rằng, “Chủ nghĩa xã hội là mọi người dân được áo ấm cơm no, nhà ở từ tể, được học hành”²⁹; “chủ nghĩa xã hội nhằm làm cho đời sống nhân dân ngày càng sung sướng, ăn no, mặc ấm, được học hành, ốm đau có thuốc”³⁰; “Đảng và Nhà nước ta dùng lực lượng của nhân dân để xây dựng cho nhân dân một đời sống ngày càng sung sướng. Đó là chủ nghĩa xã hội”³¹. “Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”³².

Như vậy, khi nói đến chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh trước hết đến yêu cầu phải làm sao nâng cao được đời sống của nhân dân, làm sao cho mọi người dân đều được áo ấm, cơm no, có nhà ở từ tể, được học hành. “Nói tóm lại, hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất tinh thần của dân phải được đặc biệt chú ý”³³. Người khẳng định: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc

²³ Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.10, tr.31.

²⁴ Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.10, tr.159.

²⁵ Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.8, tr.411.

²⁶ Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.7, tr.572.

²⁷ Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.8, tr.396.

²⁸ Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.8, tr.411.

²⁹ Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.10, tr.72.

³⁰ Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.10, tr.590.

³¹ Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.10, tr.586.

³² Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.10, tr.17.

³³ Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.4, tr.47-48.

lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”³⁴.

Ở Việt Nam, ngay từ những năm đầu thế kỷ XX, với những trải nghiệm thực tiễn sâu sắc trong phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản phát triển trên thế giới, tiếp thu những giá trị tinh hoa của nhân loại, đặc biệt là từ khi tiếp cận lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đúc kết và đưa ra một tư tưởng hết sức đúng đắn, sâu sắc và cách mạng, đó là khẳng định *độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội*.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, có thể khái quát triết lý phát triển của Người một cách ngắn gọn và cô đọng, đó là độc lập, tự do và hạnh phúc. Ý nghĩa sâu sắc trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về độc lập, tự do và hạnh phúc thể hiện ở những khía cạnh cơ bản sau:

Thứ nhất, độc lập dân tộc là tiền đề của hạnh phúc, tự do. Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc chỉ có thể giành được bằng con đường cách mạng vô sản: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ

là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau”³⁵. Người khẳng định một cách kiên quyết rằng, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành kỳ được độc lập cho dân tộc. Độc lập dân tộc không phải là điều mới mẻ trong lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới. Nhưng độc lập dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh lại hoàn toàn mới, được nâng lên một trình độ mới, một chất mới - Độc lập dân tộc là *tiền đề* của tự do, hạnh phúc và do đó, *gắn liền* với chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, hạnh phúc, tự do là những giá trị của độc lập dân tộc. Theo Hồ Chí Minh, nước có độc lập rồi thì dân phải được hưởng hạnh phúc, tự do, vì tự do và hạnh phúc là thước đo giá trị của độc lập dân tộc. Muốn có hạnh phúc, tự do thì độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội, bởi chỉ có trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình, chăm lo cho con người và con người có điều kiện phát triển toàn diện.

Hạnh phúc, tự do theo quan điểm Hồ Chí Minh là người dân phải được hưởng đầy đủ đời sống vật chất và tinh thần do chủ nghĩa xã hội đem lại. Người dân ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành, người đủ ăn thì khá giàu, người

³⁴ Hồ Chí Minh, *Sđđ.*, t.4, tr.152.

³⁵ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.496.

khá giàu thì giàu thêm; dân là chủ và dân làm chủ.

Tự do rộng hơn dân chủ và là mục tiêu của bất cứ dân tộc nào. Dân chủ là tự do trong khuôn khổ, là sự cụ thể hóa các quyền tự do ở một giai đoạn lịch sử nhất định. Đề cập đến mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, những người sáng lập Chủ nghĩa Mác đã khẳng định sự *tự do của mỗi người là điều kiện tự do của mọi người*. Ph.Ăngghen cũng rút ra một kết luận nổi tiếng, rằng sự phát triển của xã hội là quá trình chuyển từ tất yếu sang tự do.

Thứ ba, độc lập, tự do, hạnh phúc còn là giá trị chung của nhân loại, là thước đo đánh giá mức độ phát triển con người với tính cách mục tiêu tối thượng. Đấu tranh giải phóng con người và vì sự phát triển của con người là sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử phát triển nhân loại. Qua mỗi cuộc cách mạng xã hội, những giá trị người lại càng được đề cao và thực hiện trong thực tiễn. Đặc biệt, bước vào thế kỷ XXI, liên quan đến vấn đề phát triển con người, Liên hợp quốc đã đưa ra những mục tiêu *Thiên niên kỷ* với 8 nội dung cụ thể: Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực; phổ cập giáo dục tiểu học; tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ; giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em; tăng cường sức khỏe bà mẹ; phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác; bảo đảm bền vững về môi trường; thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển. Có thể nói, những nội dung này, ở các mức độ đậm

nhật khác nhau, đã có trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh; đồng thời đã và đang được Việt Nam hiện thực hóa ngày càng vững chắc trong công cuộc đổi mới. Hiện nay, mặc dù GDP là rất quan trọng (thể hiện sự tăng trưởng kinh tế), song người ta đánh giá chỉ số HDI cao hơn GDP, bởi HDI là những chỉ số trực tiếp về phát triển con người.

Thứ tư, trong bối cảnh hiện nay, độc lập có ý nghĩa quan trọng không chỉ về an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, mà còn quan trọng về kinh tế và đối ngoại, v.v.. Như chúng ta đã biết, nhân loại đã và đang chứng kiến xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra mạnh mẽ và tác động trực tiếp đến tất cả các quốc gia dân tộc dù muốn hay không. Độc lập ngày nay không chỉ thuần túy là đường biên giới xác định, là chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ..., mà còn là độc lập, tự chủ về kinh tế và đối ngoại - những vấn đề hết sức quan trọng trong xã hội hiện đại. Nếu kinh tế và đối ngoại của một quốc gia nào đó bị lệ thuộc vào nước khác thì quốc gia đó không thể nói là có độc lập. Kinh tế, xét đến cùng, là nhân tố quyết định mọi lĩnh vực khác. Nguyên lý đó của chủ nghĩa Mác - Lênin vẫn đúng và còn nguyên giá trị trong điều kiện hiện nay.

Cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã làm thay đổi vận mệnh dân tộc và con người Việt Nam, đưa Việt Nam từ chỗ là một nước thuộc địa, nửa phong kiến trở thành

một nước độc lập có chủ quyền; đưa người dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành những người tự do, là chủ và làm chủ xã hội. Người đã nêu lên một chân lý nổi tiếng: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Suốt từ khi nước Việt Nam mới ra đời, sau *quốc hiệu* Việt Nam dân chủ cộng hòa (giai đoạn 1945 - 1975) và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ 1975 đến nay) là ba giá trị rất thiêng liêng và lớn lao mà nhân loại tiến bộ nói chung và nhân dân Việt Nam nói riêng không ngừng đấu tranh để giành lấy, đó là *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*. Trong chuỗi giá trị phổ biến và mang tính nhân quả đó, giá trị trước là tiền đề, điều kiện cho giá trị sau. Chúng ta thấy ở mệnh đề đó một tính logic chặt chẽ và tính tự nhiên tất yếu: Nếu không có độc lập thì rất khó để có được tự do và khi không có tự do thì không thể có hạnh phúc. Điều này đúng cả trên bình diện vĩ mô (quốc gia, dân tộc) lẫn bình diện vi mô (con người cá nhân). Có thể nói, *độc lập - tự do - hạnh phúc* là những thành tố, giá trị nền tảng của việc hình thành, phát triển một quốc gia đúng với ý nghĩa của từ này. Đặc biệt, đối với các quốc gia phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa thì những giá trị *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc* càng trở thành những đặc trưng cơ bản, hàng đầu.

Từ những điều trình bày trên đây, có thể khẳng định rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh là sự tiếp thu có chọn lọc và phát triển lên tầm cao mới nhiều di sản tư

tưởng trong văn hóa nhân loại. Đó là một quá trình tiếp biến văn hóa đặc biệt để tạo ra nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng ta có thể tìm thấy trong đó những giá trị truyền thống của dân tộc, đó là *chủ nghĩa yêu nước*, tinh thần khoan dung, ý chí tự lực tự cường và ý thức đoàn kết. Không những thế, so với nhiều nhà tư tưởng trong lịch sử dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh còn vượt lên trên chủ nghĩa dân tộc chật hẹp, tiếp thu những hạt nhân hợp lý trong học thuyết đạo đức của Khổng Tử, lòng nhân ái của Jêsu, phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác và chính sách Tam dân của Tôn Dật Tiên.

Nhờ tiếp biến nhiều dòng tư tưởng trong di sản tinh thần của nhân loại, tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang trở thành kim chỉ nam nhằm đưa dân tộc Việt Nam tới độc lập dân tộc, thống nhất đất nước; nhân dân được hưởng cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc. Điều đó cũng góp phần ổn định tình hình thế giới, phát triển tình hữu nghị giữa các dân tộc, vì tiến bộ xã hội và sự phát triển chung của nhân loại.

Quan niệm về một xã hội tốt đẹp ở Việt Nam hiện nay là sự kế thừa và phát triển những tư tưởng về một xã hội tốt đẹp trong quá khứ. Đó là một quá trình tiếp biến văn hóa rất lâu dài thông qua các nhân vật lịch sử. Những tư tưởng về một xã hội tốt đẹp theo cách nhìn của Việt Nam được biểu hiện một cách tập trung nhất ở mục tiêu mà nhân dân Việt Nam đang phấn đấu, đó là xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu,

nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Để đạt được mục tiêu đó, cần có một chiến lược phát triển bền vững trên cơ sở giải quyết một cách hài hòa giữa các lĩnh vực, các mối quan hệ và các yếu tố khác nhau của đời sống xã hội.

Vì vậy, để xây dựng và phát triển xã hội tốt đẹp trong hiện thực, Việt Nam cần thực hiện những nhiệm vụ quan trọng sau đây:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Việc nước ta chuyển sang xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong 35 năm qua đã mang lại những thành tựu to lớn, tạo nên thế và lực mới cho đất nước, làm tiền đề cho các bước phát triển tiếp theo. Để củng cố vững chắc nền độc lập, hiện thực hóa các giá trị tự do và hạnh phúc của nhân dân, chúng ta cần tiếp tục phát triển và hoàn thiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cụ thể là: Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế; Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường; Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế; Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về kinh tế xã hội; Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ hai, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Để thực hiện được điều này, cần gắn kết chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất

lượng cuộc sống của nhân dân; Giải quyết tốt các vấn đề lao động, việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, bảo đảm an sinh xã hội; Coi trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân, làm tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc...

Thứ ba, tăng cường quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và tích cực hội nhập quốc tế. Cùng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ; Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia dân tộc; thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; vừa hợp tác vừa đấu tranh...

Thứ tư, dân chủ hóa đời sống xã hội; bảo đảm dân chủ trong Đảng là tấm gương thực hiện dân chủ trong xã hội. Dân chủ trong Đảng là điều kiện tiên quyết, là hạt nhân, là tấm gương để thực hiện dân chủ trong xã hội. Thực hiện dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội.

Thứ năm, sự phát triển toàn diện con người là mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Cần tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát triển con người về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, thể chất, năng lực sáng tạo và trách nhiệm xã hội. Đấu tranh phê phán và đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu làm tha hóa con người. □